

SỰ THỂ HIỆN CHỨC NĂNG LIÊN NHÂN CỦA HỒI CHỈ ZERO TRONG HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT

ĐÀO THỊ LUYẾN*, VŨ LÊ LAN HƯƠNG**, ĐẶNG THANH TÂM***

*Học viện Khoa học Quân sự, ✉ daoluyen1972@gmail.com

**Học viện Khoa học Quân sự, ✉ vulelanhuong@gmail.com

***Học viện Khoa học Quân sự, ✉ thanhthamhanu93@gmail.com

Ngày nhận bài: 04/9/2024; ngày sửa chữa: 20/9/2024; ngày duyệt đăng: 25/9/2024

TÓM TẮT

Bài báo trình bày một số khái niệm cơ bản liên quan đến chức năng liên nhân của hồi chỉ zero trong hội thoại tiếng Việt. Thông qua phương pháp thống kê, phương pháp phân tích ngữ liệu, tác giả làm rõ lý thuyết, chứng minh những luận điểm khoa học của lý luận ngôn ngữ về chức năng liên nhân. Đồng thời ứng dụng lý thuyết về chức năng liên nhân vào nghiên cứu trường hợp hồi chỉ zero trong hội thoại tiếng Việt khi nó thực hiện chức năng này.

Từ khóa: chức năng liên nhân, hồi chỉ zero, thông tin cũ, thông tin mới, tiêu điểm thông tin

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hồi chỉ zero ngày nay được dùng phổ biến trong lời nói, trong văn bản văn học, cũng như văn bản thông tin,... Trong tiếng Việt, hồi chỉ zero là một cách tổ chức ngôn ngữ, một phương tiện ngôn ngữ thể hiện tính liên kết chặt chẽ các phát ngôn trong hội thoại. Đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các chuỗi câu vốn không có liên kết trở thành liên kết chặt chẽ. Ngoài những giá trị trên, trong bài viết này, chúng tôi muốn làm rõ những giá trị khác của hồi chỉ zero trong hội thoại tiếng Việt. Đó là việc cung cấp thông tin cũ, tiêu điểm hóa thông tin, cung cấp nội dung thông tin ngầm ẩn, thể hiện quy tắc cộng tác hội thoại, quy tắc lịch sự. Khi thực hiện những giá trị này, hồi chỉ zero trong hội thoại tiếng Việt trở thành phương tiện thực hiện chức năng liên nhân.

2. CÁC KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN

2.1. Khái niệm chức năng liên nhân

Chức năng liên nhân là một sự kiện tương tác bao gồm người nói hay người viết trao đổi thông tin với người nghe hay người đọc. Trong sự tương tác luôn có hai vai diễn và lời nói cơ bản nhất nằm ở phía sau tất cả các kiểu vai diễn được gọi bằng một từ ngắn gọn là *cho* và mong muốn được phản hồi là *yêu cầu*. Khái niệm *cho* nghĩa là *mời nhận*, khái niệm *yêu cầu* nghĩa là *mời cho*. Tóm lại đây là một sự trao đổi thông tin. Halliday cho rằng: “Khi ngôn ngữ được sử dụng để trao đổi thông tin, thì cú thể hiện hình thức của một phán đoán (proposition). Nó trở thành một cái gì đó có thể tranh cãi được – một cái gì đó có thể được khẳng định hay phủ nhận, có thể bị nghi ngờ, bị bác bỏ,

bị đòi hỏi, được chấp nhận với sự hạn chế, được bổ sung, được điều chỉnh, bị hồi hận, ...” (Halliday, 1998, tr. 177).

Trong quá trình hành chức, chức năng liên nhân liên quan đến hồi chỉ zero trong hội thoại tiếng Việt được thể hiện thông qua việc cung cấp thông tin và thực hiện quan hệ liên nhân. Dưới đây, chúng tôi sẽ làm rõ các phương diện này.

2.2. Các phương diện của chức năng liên nhân

2.2.1. Cung cấp thông tin

Việc cung cấp thông tin trong diễn ngôn liên quan trực tiếp đến từ ngữ, các kiểu tổ chức ngôn ngữ ở các mặt ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng; các kiểu liên kết, mạch lạc, cách để chuyển tải thông tin cũ/mới đến người đọc, người nghe. “Chức năng thông tin cung cấp thông tin về sự việc hướng tới những đích cụ thể. Chức năng thông tin có liên quan trực tiếp đến cách tổ chức diễn ngôn như: cách dùng từ ngữ, cấu trúc ngữ nghĩa, ngữ pháp, các kiểu liên kết mạch lạc, v.v. để chuyển tải nội dung của diễn ngôn một cách hiệu quả” (Nguyễn Nhân Ái, 2017, tr. 25).

Trong hoạt động lời nói, tin là cái mà các nhân vật giao tiếp cần biết tại một ngữ cảnh nhất định. Tin gồm hai phần: tin cũ và tin mới, gọi là cấu trúc tin. Phần tin cũ là cái đã biết, cái cho sẵn. Đó là phần tin mà trước khi phát ngôn, cả người nói và người nghe đã biết, hoặc liên tưởng, suy luận từ những cái đã biết. Tin cũ trong phát ngôn không phải là trọng tâm của phần thông báo vì vậy, sử dụng hồi chỉ zero hay lược tổ zero để biểu thị phần tin cũ là một phương thức phù hợp cho việc tập trung chú ý vào phần tin mới, tiêu điểm hóa tin mới. Nói khác đi là phần tin cũ không phải là tiêu điểm của phát ngôn nên nó có thể được lược bỏ để tránh sự rườm rà về câu chữ, nặng nề về cấu trúc ngữ pháp, đồng thời nhanh chóng dẫn chủ thể giao tiếp đến thẳng thông tin tiêu điểm.

Ngược lại, với tin cũ là tin mới. Tin mới, tại thời điểm nói được đưa vào đầu tiên trong giao tiếp. Đó là phần tin mà lần đầu tiên người nói đưa ra để tương tác với người nghe. Thông tin cũ, thể

hiện bằng hồi chỉ zero, vì khiêm diện về hình thức nên được suy ra từ ngoài ngôn cảnh, trong tiền giả định của các nhân vật phát ngôn, có khi được suy ra từ trong ngôn cảnh, ở các phát ngôn đứng trước. Halliday (1998, tr. 472) cho rằng: “Thông tin là độ căng giữa cái đã được biết hoặc có thể dự đoán được và cái chưa được biết (cái mới), không thể dự đoán được. Nó là sự tác động lẫn nhau giữa cũ và mới để tạo thông tin theo nét nghĩa ngôn ngữ học. Do đó, đơn vị thông tin là một cấu trúc được hình thành từ hai chức năng: Mới và Cũ. Halliday (1998, tr. 472-473) cũng xác định “bản chất thông tin Cũ có khả năng “quy chiếu” – ám chỉ một cái gì đó đã hiện diện trong ngôn cảnh hữu ngôn và ngôn cảnh phi ngôn. Một phương pháp để có được sự quy chiếu là thông qua tỉnh lược, một hình thức ngữ pháp trong đó các đặc điểm nào đó không được hiện thực hóa trong cấu trúc. Do đó về cấu trúc, chúng ta sẽ nói rằng một đơn vị thông tin bao gồm một thành phần thông tin Mới bắt buộc và một thành phần thông tin Cũ tùy thuộc vào ngữ cảnh. Ví dụ sau đây thể hiện phần tin Cũ thông qua tỉnh lược tạo hồi chỉ zero:

Ví dụ 1:

- *Tuần thần thờ đi đến trước mặt Hùng, giọng ủ dột:*

- *Anh kỷ luật em đi!...(1) Ø(Anh) bắn bỏ em đi!(2) Em không thiết sống nữa... (3)Em với nó cùng làng, cùng học một lớp, cùng cắt tay lấy máu viết đơn xin vào đây(4). Mẹ nó có mình nó... (4) Ø(Mẹ nó) nhận em làm con nuôi(5). Vậy mà em lại giết nó!(6) Ø(Em) sống làm gì nữa?(7) Ø(Anh) bắn bỏ em đi!...(8) (Chu Lai, 2008, tr. 105).*

Ví dụ 1 có các lược tổ Ø(Anh) ở phát ngôn (2), (8) biểu đạt thông tin cũ được nhắc đến ở phát ngôn (1); lược tổ Ø(Mẹ nó) ở phát ngôn (5) biểu đạt thông tin cũ ở phát ngôn (4); lược tổ Ø(Em) ở phát ngôn (7) biểu đạt thông tin cũ ở phát ngôn (6) đã thực hiện vai trò khiêm diện, nhường phần tiêu điểm thông tin ở các từ ngữ in đậm còn lại trong phát ngôn.

Ngược lại với việc biểu đạt thông tin cũ là *tiêu điểm thông tin*. Ngữ pháp truyền thống thường

phân đoạn câu thành các thành phần câu. Gần đây, các nhà nghiên cứu còn chú ý đến cách phân đoạn thực tại câu theo quan điểm thông tin thực tại hay quan điểm thông báo. Xét theo mối quan hệ giữa thông tin cần truyền đạt của người nói và thông tin cần tiếp nhận của người nghe, cấu trúc câu được chia thành hai phần đề - thuyết. Trong đó, đề (Theme, topic) biểu thị cái đã biết, phần tin cũ và thuyết (Rehem, comment) biểu thị cái chưa biết hay thông tin mới. Trên thế giới, các nhà ngôn ngữ thuộc trường phái ngôn ngữ học Praha là những người mở đường cho đường hướng nghiên cứu này. Tiếp đến là hàng loạt nghiên cứu của các tác giả Li và Thompson (1976); Chomsky (1970); Jackendoff (1972); Danes (1966), Halliday (1970);... . Đến Dik (1981) có nhấn mạnh thêm đến tiêu điểm thông tin (Focus) với tư cách là chức năng quan trọng nhất, nổi bật nhất. Ở Việt Nam, Nguyễn Tài Cẩn, N. V. Stankievich (1975) là những người đầu tiên áp dụng cách phân đoạn cũ - mới câu tiếng Việt cùng với các phương tiện biểu hiện của chúng. Sau đó là ý kiến của Trần Ngọc Thêm, Lý Toàn Thắng, Diệp Quang Ban, Cao Xuân Hạo về cấu trúc thông tin. Trong đó, đáng chú ý là ý kiến của Cao Xuân Hạo. Ông cho rằng cấu trúc cú pháp tức cấu trúc đề - thuyết và cấu trúc thông báo trình bày thông tin mới phân biệt nhau rất rõ. Cấu trúc đề thuyết với tư cách là cấu trúc ngữ pháp của câu luôn chia hết câu thành hai phần còn cấu trúc thông báo trình bày thông tin mới có hạt nhân là tiêu điểm. Nó có thể ở hết cả câu có thể là một phần bất kỳ nào đó trong câu. (Cao Xuân Hạo, 1991).

Chia sẻ quan điểm của Dane (1966), Halliday (1970), Cao Xuân Hạo (1991), Nguyễn Hồng Cẩn (2001) dùng thuật ngữ cấu trúc thông báo (information structure) để chỉ bình diện phân tích cấu trúc câu xét theo sự khác biệt về vị thế thông tin do tình huống giao tiếp đem lại với hàm ý phân biệt nó với cấu trúc ngữ pháp và cấu trúc ngữ nghĩa của câu. Tác giả chủ trương cho rằng trung tâm thông báo của câu là thông tin mới, tiêu điểm của câu và phân tiêu điểm thông báo của câu thành ba loại: tiêu điểm hỏi; tiêu điểm khẳng định và tiêu điểm tương phản với ba cấu trúc thông báo: cấu

trúc thông báo có tiêu điểm vị từ (hay vị ngữ); cấu trúc thông báo có tiêu điểm tham tố (diễn tố và chủ tố); cấu trúc thông báo có tiêu điểm mệnh đề.

Khi tiếp nhận thông tin trong phát ngôn, người nghe sẽ cấu trúc lại thông tin thành tin cũ và tin mới, xoay sâu suy nghĩ của mình vào thông tin mới. Đó là việc tiêu điểm hóa thông tin. Thực chất của quá trình ấy chính là việc tách biệt tin mới ra khỏi cấu trúc bao gồm cả tin mới lẫn tin cũ để tìm cái chưa biết. Với các loại phát ngôn đầy đủ thành phần, việc xác định tiêu điểm thông báo sẽ phức tạp hơn do không biết phần nào không quan trọng, có thể bị lược bỏ. Nhưng với các cấu trúc thông báo có hỏi chỉ zero thì phần tin cũ đã được lược bỏ zero sở chỉ, còn phần tin mới nằm ở những phương tiện ngôn ngữ còn lại. Sự rõ ràng ấy làm cho hỏi chỉ zero ở đây có được hai trọng trách, một mặt hàm ẩn thông tin cũ, thông tin mà cả hai nhân vật đã biết, mặt khác tập trung sự chú ý của người đọc vào tiêu điểm thông tin ở các phương tiện ngôn ngữ hiện diện trong phát ngôn. Sự tiêu điểm hóa trong phát ngôn có lược bỏ zero luôn được đề cao vì mang lại nhiều giá trị cho sự diễn đạt. Mặt khác, phần tin đã biết khiếm diện trong phát ngôn “không chỉ là điều có thể mà còn là điều cần thiết để phát ngôn được ngắn gọn, không bị nhiễu, và tập trung được vào tiêu điểm thông tin” (Bùi Minh Toán, 2012, tr. 145). Khi tin cũ khiếm diện bằng lược bỏ zero cũng là lúc tiêu điểm tin mới nổi bật nhất.

Ở ví dụ 1 trên đây, ngược lại với tin cũ ở các lược tố Ø(*Anh*) ở phát ngôn (2), (8) biểu đạt thông tin cũ được nhắc đến ở phát ngôn (1); lược tố Ø(*Mẹ nó*) ở phát ngôn (5) biểu đạt thông tin cũ ở phát ngôn (4); lược tố Ø(*Em*) ở phát ngôn (7) biểu đạt thông tin cũ ở phát ngôn (6) là các tin mới hay tin được tiêu điểm hóa ở các phần **in đậm** còn lại ở các kết ngôn (2), (5), (7), (8), như: **bắn bỏ em đi!**(2); **nhận em làm con nuôi!**(5); **sống làm gì nữa?**(7); **bắn bỏ em đi!**...(8).

2.2.2. Quan hệ liên nhân

Quan hệ liên nhân thể hiện tính xã hội của ngôn ngữ. Biểu hiện cụ thể của nó là cách con người sử dụng ngôn ngữ như thế nào và ngôn ngữ làm

thể nào để thực hiện chức năng truyền tải thông tin. Thông qua ngôn ngữ, người nói làm cho mình tham dự vào trong một tình huống nào đó để thể hiện suy đoán, suy nghĩ đồng thời tác động vào hành vi, thái độ của người khác. Chức năng liên nhân còn biểu hiện vai quan hệ giao tiếp của người nói và người nghe trong những hoàn cảnh nhất định. Nhờ có ngôn ngữ mà cả người nói và người nghe đạt được những mục đích nhất định, kể cả mục đích giao tiếp và những mục đích khác bên ngoài ngôn ngữ. Nằm trong lòng hội thoại, hội chỉ zero sẽ có những cơ chế hoạt động riêng để thể hiện chức năng liên nhân.

Quan hệ liên nhân liên quan đến tính tương tác trong giao tiếp, khi các nhân vật giao tiếp mang đến những tương tác hội thoại thì có các nguyên tắc được thực hiện là nguyên tắc cộng tác hội thoại và nguyên tắc lịch sự. Ở bài viết này, chúng tôi sẽ làm rõ hai nguyên tắc này khi hội chỉ zero tham gia tổ chức ngôn ngữ hội thoại tiếng Việt.

2.3. Khái niệm hội thoại

Hội thoại là hoạt động giao tiếp của con người, trong đó có người phát tin và người nhận tin. Hội thoại có thể diễn ra giữa hai người gọi là song thoại, giữa ba người gọi là tam thoại, giữa nhiều người gọi là đa thoại nhưng dạng cơ bản, thường xuyên nhất vẫn là song thoại. Trong song thoại có hoạt động trao lời của người phát tin và hoạt động đáp lời của người nhận tin. (Đỗ Hữu Châu, 2001).

2.4. Khái niệm hội chỉ zero

Hội chỉ zero là ngữ đoạn bị tỉnh lược trong phát ngôn trực thuộc (câu dưới bậc, câu rút gọn, câu tỉnh lược...). Đó là một kiểu tổ chức các câu trong văn bản thể hiện hướng liên kết ngược về phía trước. Tức là trong hai câu đứng cạnh nhau, câu trước gọi là chủ ngôn, câu sau gọi là kết ngôn, thì yếu tố được thay thế đứng ở phía trước, yếu tố thay thế đứng ở phía sau và là lược tố zero. Nói cách khác đại từ thay thế ở đây chính là lược tố zero. Muốn tìm ra lược tố zero phải quay ngược về câu chủ ngôn. Như vậy, hội chỉ zero chính là sự quy chiếu về sự vật, sự việc ở câu chủ ngôn, không

phải bằng các phương tiện từ ngữ mà bằng lược tố zero. Sự khiếm diện của lược tố này làm thay đổi cấu trúc và có thể cả nội dung thông báo của phát ngôn, đồng thời làm cho các phát ngôn có tính liên kết chặt chẽ với nhau.

Trong bài báo, chúng tôi quan niệm: *Hội chỉ zero là phương thức liên kết diễn ngôn (văn bản) thể hiện bằng việc sử dụng lược tố zero ở kết ngôn làm thay đổi cấu trúc và nội dung của phát ngôn này.* (Đào Thị Luyến, 2023, tr. 41).

3. GIÁ TRỊ CỦA HỘI CHỈ ZERO VỚI VIỆC THỂ HIỆN CHỨC NĂNG LIÊN NHÂN

Các cuộc thoại trong tiếng Việt đều tuân theo nguyên tắc hội thoại, tức là khi dòng ngôn ngữ phát ra thì trong cùng một thời điểm lúc nào cũng có hai nhân vật giao tiếp thực hiện một lượt lời trao và một lượt lời đáp. Cứ thế các lượt lời câu thúc hô gọi nhau tạo nên cuộc thoại có nhiều cặp thoại. Như trên đã nói, một hành động nói là một sự tương tác theo kiểu: Sự tương tác của người nói và người nghe về cơ bản có hai kiểu vai diễn là *cho* và *yêu cầu*. Cho thông tin và yêu cầu thông tin thông qua đó thể hiện mối quan hệ thân sơ, gần xa, ... thái độ, tư tưởng tình cảm cũng như những ý nghĩa ngầm ẩn được gửi gắm trong chiến lược giao tiếp của các nhân vật. Cụ thể:

- Thông tin: thông tin cũ, tiêu điểm thông tin, nội dung thông tin ngầm ẩn.

- Quan hệ liên nhân: quy tắc cộng tác hội thoại, quy tắc lịch sự.

3.1. Hội chỉ zero thể hiện thông tin cũ trong phát ngôn

Thông tin cũ là tin đã biết được nêu ở tiền tố, yếu tố giải thích của chủ ngôn. Hội chỉ zero biểu hiện tin cũ là tin được quy chiếu vào tiền tố ở chủ ngôn và nó là loại tin ám chỉ, tin phụ thuộc. Vì nếu không có điểm gốc ở chủ ngôn thì lược tố zero sẽ không có điểm quy chiếu.

Ví dụ 2:

- Một người Mỹ à? – Tôi hỏi.(1)

- Sao mày biết.(2)

- Ø(Tao) đánh nhau với chúng nó mãi, Ø(tao) chỉ cần nghĩ hơi cũng biết.(3)

- Thằng này khá! Nhưng mà mày biết thằng đó không?(4) (Chu Lai, 2008, tr. 312).

Ở ví dụ 2, các lược tổ zero Ø(tao) ở phát ngôn (3) biểu đạt thông tin cũ trong hội thoại.

Việc khiếm diện thông tin cũ bằng hình thức của lược tổ zero làm cho hội thoại tránh được sự dài dòng không cần thiết, đồng thời nhấn mạnh vào tiêu điểm thông tin mới cần truyền đạt ở những câu chữ còn lại trong phát ngôn.

Thông tin cũ thể hiện ở hồi chỉ zero như trên đã phân tích, dựa vào sự quy chiếu của lược tổ zero vào tiền tố. Sau đó cả tiền tố và lược tổ đều soi chiếu vào thế giới khách quan để tìm hiểu nội dung sự tình. Đó là nội dung miêu tả của phát ngôn. Song ngoài những nội dung khôi phục tương đương với tiền tố khi quy chiếu ấy, thông tin cũ còn được thể hiện ở kiến thức chung có tính bách khoa của các nhân vật giao tiếp tích lũy được nhờ vào vốn sống, vốn hiểu biết của mình.

Ví dụ 3:

- Chỉ cần cái giọng nó nhắc đến tên ông là tôi biết.(1) Nhưng cần thận nghe cha!(2) Ø(Nó là) vàng mười đó.(3) Nó mà làm sao thì ông dè chừng cái sọ.(4) - Rõ!(5) (Chu Lai, 2008, tr. 84).

Ở ví dụ 3 trên đây, lược tổ Ø(Nó là) chỉ Ba Sương (nhân vật trong *Ăn mày dĩ vãng* - Chu Lai) cô gái gan dạ, dũng cảm có vẻ đẹp như bông hoa rừng trong thời chiến tranh. Lược tổ này kết hợp với tiêu điểm thông tin *vàng mười* là lời ca ngợi vẻ đẹp của cô gái mà người đồng đội của Hai Hùng và Hai Hùng (nhân vật trong *Ăn mày dĩ vãng* - Chu Lai) đều biết. Đồng thời đó cũng là lời cảnh tỉnh để Hai Hùng phải biết trân trọng người phụ nữ đáng quý này. Đó chính là vốn sống mà cả hai người đàn ông đều biết khi nói về một cô gái họ cảm mến. Từ ví dụ này có thể thấy bất kì một vị trí nào của từ ngữ được khai thác thông tin trong phát ngôn kể cả vị trí khiếm chỉ đều mang đến những giá trị ngữ

nghĩa vô cùng thú vị.

3.2. Tiêu điểm hóa thông tin trong phát ngôn

Song song với việc thể hiện thông tin cũ ở vị trí của lược tổ zero trong kết ngôn là việc tiêu điểm hóa thông tin ở những bộ phận còn lại. Nói cách khác khi tin cũ vắng mặt thì tin được tiêu điểm hóa là tin mới, tin được nhấn mạnh. “Đây là phương thức mà phần tin đã biết khiếm diện trong phát ngôn” (Bùi Minh Toán, 2012, tr. 143).

Trong các kết ngôn chứa lược tổ zero, thông tin mới được tiêu điểm hóa sẽ nằm ở bộ phận còn lại của kết ngôn trong cấu trúc nòng câu. Chẳng hạn, khi kết ngôn có lược tổ zero tương đương với chủ ngữ thì tin cũ là tin ở chủ ngữ, còn tin mới được tiêu điểm hóa là tin ở vị ngữ.

Trường hợp các lược tổ zero cùng chức năng cùng quy chiếu thì thông tin cũ sẽ là 1, thông tin mới được tiêu điểm hóa sẽ là n. Vì vậy quan hệ giữa thông tin cũ và thông tin mới là 1: n, trong đó n lớn hơn hoặc bằng 2. Khi các lược tổ zero có cùng chức năng khác quy chiếu thì tin cũ và tin mới đều là n, trong đó n lớn hơn hoặc bằng 2. Khi tin cũ càng lặp đi lặp lại nhiều lần thì hồi chỉ zero càng xuất hiện nhiều. Cũng từ đó mà quan hệ liên kết giữa kết ngôn và chủ ngôn càng gắn bó chặt chẽ do tin mới phụ thuộc vào điểm gốc là tin cũ. Nếu tin cũ không được thể hiện bằng nhiều lược tổ zero thì tính mạch lạc của hội thoại sẽ bị ảnh hưởng do sự nặng nề, chậm chạp, nhiều khi là vụng về nhảm chán của dòng ngữ lưu trong hội thoại.

Ví dụ 4:

-“Ø(Anh)(1) tự tiện cướp đoạt!Ø(Anh)(2) bắt hợp pháp! Ø(Anh)(3) bắt hợp lý! Ø(Anh)(4) bắt hợp tình! Ø(Đất ấy)(5) cũng là của tất cả mọi người ở đây. Thêm nữa, anh Quỳnh ạ, Ø(anh)(6) làm người, dẫu Ø(anh)(7) là ông nọ bà kia, Ø(anh)(8) đang lên như diều gặp gió thì Ø (anh)(9) cũng phải biết sợ. Ø(Anh phải biết)(10) sợ trời! Ø(Anh phải biết)(11) sợ đất! Ø(Anh phải biết)(12) sợ người! Ø(Anh)(13) trấn người rồi bị người trấn lại đấy! Nước đầy cá ăn kiến, nhưng nước cạn kiến lại ăn cá đấy, anh ạ. (Ma Văn Kháng, 2017, tr. 67).

Ở ví dụ 4 trên, các lược tố zero (1), (2), (3), (4), (6), (7), (8), (9), (13), khôi phục là *anh* hồi chiếu vào một chủ thể là Quỳnh, người đang lẩn tránh của khu tập thể. Lược tố zero (6), khôi phục là đất ấy hồi chiếu vào miếng đất. Sở dĩ các lược tố này vắng mặt vì nhân vật Trinh đã tận dụng hoàn cảnh cụ thể, mặt đối mặt giữa mình và Quỳnh, giữa khu tập thể đông người để lên án Quỳnh. Cô Trinh cũng công khai thái độ coi thường, khinh bỉ với Quỳnh nên đã nói trống không, sử dụng hàng loạt lược tố zero hồi chỉ vào Quỳnh và giữ lại phần thông tin quan trọng trong phát ngôn. Đó là cách tiêu điểm hóa thông tin nhờ các lược tố zero. Những phát ngôn có chứa hồi chỉ zero như trên cũng có giá trị rất lớn trong nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ. Xét ở phương diện nghệ thuật, cách diễn đạt đó làm cho giọng điệu của tác giả trở nên nhanh, mạnh, dẫn người đọc tiếp nhận thông tin nhanh chóng. Mặt khác còn lột tả sâu sắc nhất tính cách con người thời hiện đại. Họ thường có ít thời gian cho sự dài dòng, câu nệ câu chữ. Vì luôn bận rộn, vất vả, chạy đôn, chạy đáo khắp nơi để mưu sinh nên cách nói chuyện của họ thường chóng lỏn, nhất gừng, ít tôn trọng thể diện người khác. Giả sử, nếu không dùng lược tố zero mà cứ nói đầy đủ các phát ngôn thì chắc hẳn tính công kích trong mục đích phát ngôn sẽ không đạt được kết quả như cô Trinh mong muốn.

Khi đề cập đến vấn đề cấu trúc thông tin, chúng tôi nhận thấy, hồi chỉ zero thể hiện tin cũ, tin được hồi chiếu, phần còn lại của phát ngôn thể hiện tin mới, tin được tiêu điểm hóa trong những kết ngôn có *hồi chỉ zero tương đương với chủ ngữ, với trạng ngữ trong câu tồn tại, với chủ ngữ + thành tố vị ngữ, chủ ngữ + vị ngữ*. Tuy nhiên, ngữ liệu cho thấy, nhiều khi tiêu điểm thông tin lại nằm ở phần trước của diễn ngôn và đến thời điểm nói, người nói muốn chia sẻ, yêu cầu người nghe hồi chiếu lại. Loại tiêu điểm này được gọi là “tiêu điểm hồi quy” (Nguyễn Thùy Nương, 2018, tr. 25). Nói cách khác, đó là tiêu điểm thông tin được giả định rằng nó không được người nói và người nghe cùng chia sẻ trong nghĩa miêu tả. Lúc này, nó thuộc về phần nghĩa hàm ẩn hoặc nghĩa tình thái của các phát ngôn mà hồi chỉ zero thể hiện bằng hình thức im lặng hoặc lược tố zero tương đương với vị ngữ.

Trường hợp ví dụ 1 ở trên có lược tố zero được khôi phục là *làm cái ấy chứ!* Ngoài việc thể hiện thông tin cũ là thông tin hồi chiếu vào hành động *làm cái ấy* ở tiền tố còn là tiêu điểm thông tin quan trọng trong phát ngôn mà lúc này cả hai anh em, ông Hàm và ông Thủ đều muốn che giấu. Đó là: đào má dòng họ Vũ Đình, dòng họ đối đầu với dòng họ Trịnh Bá của hai anh em ông (đã được bàn bạc từ phần trước hội thoại này). Nhờ có lược tố zero này mà mục đích thông báo bí mật của phát ngôn vẫn đạt được. Đây chính là tiêu điểm thông tin chênh lệch ngoài nội dung miêu tả của phát ngôn mà hồi chỉ zero mang lại. Điều này chứng minh rằng tiêu điểm thông tin không chỉ được thể hiện ở câu chữ hiện diện trong kết ngôn mà còn nằm ở phần tin được hồi chỉ của các lược tố zero.

3.3. Thể hiện nội dung thông tin ngầm ẩn

Phần lớn các lược tố zero tương đương với chủ ngữ cung cấp thông tin có quan hệ 1:1, tức là tin khôi phục ở lược tố zero sẽ trùng khít lên tin cũ ở tiền tố. Nhưng cũng có những trường hợp sự suy luận cho ta những thông tin ngầm ẩn thú vị.

Trường hợp thứ nhất, trong kết ngôn, các lược tố zero hồi chiếu vào thông tin cũ là sự vật, sử dụng một đại từ nhưng bản thân đại từ lại biểu thị hơn một thông báo:

Ví dụ 6:

Sự thay đổi đập vào mắt Kiên đầu tiên khi anh từ miền Nam ra, lần đầu sau 10 năm ly biệt sang thăm phòng nàng: ấy là không còn thấy chiếc dương cầm màu đen, kiểu cổ, báu vật của mẹ nàng, ngày trước kê kê cửa sổ đầu nữa.

- Em bán nó đi rồi. Ø(Nó) chiếm hết cả buồng. Mà em thì, loài ca kỹ, chơi gì thứ thiên cầm đó nữa. (Bảo Ninh, 2018, tr. 286).

Ở ví dụ 6, lược lời thứ hai có phát ngôn thứ hai “Ø(Nó) chiếm hết cả buồng” dùng Ø(Nó) tương đương với chủ ngữ được hồi chiếu vào *chiếc dương cầm, báu vật của mẹ nàng*. Đặt trong ngữ cảnh có thể thấy bản thân lược tố zero được khôi phục là đại từ *nó* ở đây cũng không chỉ nhằm hồi chiếu vào sự vật ở ngôi thứ ba số ít là cây đàn dương cầm mà

còn hàm chứa những ý nghĩa hàm ẩn sâu sắc. Một mặt nó thể hiện sự đứt khoát của Phương với quá khứ không hạnh phúc trong chiến tranh, mặt khác quan trọng hơn là sự cắt đứt của cô với những kỉ niệm trong quá khứ giữa cô và Kiên. Bởi trước khi Kiên nhập ngũ, Phương đã biểu diễn cho Kiên nghe một bản đàn trên chiếc dương cầm ấy, mặc dù cô không thích nó. Như vậy, phần tin được biểu đạt ở lược tổ zero trong kết ngôn và phần tin cũ ở chủ ngôn không trùng khít lên nhau. Phần ý nghĩa dôi ra ấy chính là nội dung thông tin ngầm ẩn do ngữ cảnh mang lại.

Trường hợp thứ hai, ở một vị trí của lược tổ zero có thể suy ra nhiều chủ ngữ, với sắc thái ý nghĩa khác nhau.

Ví dụ 7:

- Nhận ra mình không Sinh?

- Ø (Sinh, Chủ ấy) vẫn nhận ra đấy!- Bà chị dâu nói chớ tới- cơ mà Ø (chủ ấy) chả nói nổi, Ø (chủ ấy) còn hơi nữa đâu mà nói.

- Ø (Sinh) có ăn uống được gì không?

- Ø (Chủ ấy) vẫn, nhưng Ø (chủ ấy) lại tự tháo ra hết. Vậy mà Ø (chủ ấy) vẫn cứ gương. Ø (Chủ ấy) Khổ lắm thay. (Bảo Ninh, 2018, tr. 96).

Trong ví dụ 7 trên, hội thoại diễn ra với 4 lược lời, 6 phát ngôn mà có đến 8 lược tổ zero (chủ ấy). Các lược tổ này tương đương với chủ ngữ ở ngôi thứ ba, hồi chiếu vào thông tin cũ là *Sinh, chủ ấy*, người được Kiên và bà chị dâu Sinh đang nói đến (Sinh không thể nói được vì sắp chết). Các dữ kiện trong các phát ngôn đều rõ ràng, người nói, người nghe và chủ thể thứ ba cùng tường minh. Đó là điều kiện cần và đủ cho các lược tổ zero xuất hiện, tạo cho diễn ngôn liền mạch, liên kết. Tại vị trí của Ø trong phát ngôn: “Ø Khổ lắm thay”, căn cứ vào ngữ cảnh, ta có thể suy luận, hồi chiếu ra các thông tin cũ: Ø Cuộc đời (1) khổ lắm thay, Ø Đời người (2) khổ lắm thay Ø Tôi (3) khổ lắm thay, Ø Chủ ấy (4) khổ lắm thay. Nếu suy luận là (1) và (2) thì thái độ của bà chị dâu là sự thông cảm, chia sẻ cho cả Sinh và Kiên cũng như bản thân chị ta. Đó là gánh nặng chiến tranh để lại, mỗi người cần gánh

vác. Nếu lược tổ là (4) thì thái độ bà chị dâu là thương hại, ái ngại cho chú em chồng, còn nếu lược tổ là (3) thì thái độ của bà chị dâu là than thân, trách phận, là sự mong mỏi chú em chồng được giải thoát để cả mình, gia đình éo le của mình và em chồng đều đỡ khổ. Suy luận bằng cách nào thì người đọc đều nhận thấy hậu quả của chiến tranh thật khốc liệt, cái giá mà con người phải trả, cho dù là thắng cuộc, thì vẫn là rất lớn. Đó chính là nỗi buồn chiến tranh mà không một bên tham chiến nào muốn phải chịu. Đến đây, ta có thể thấy rằng nhiều khi không cần thiết phải khôi phục đầy đủ những ô trống ngữ pháp trong phát ngôn. Bởi việc làm ấy vô hình đã làm mất đi những ý nghĩa ngầm ẩn phong phú trong các lược tổ zero.

4. KẾT LUẬN

Khi thực hiện việc truyền tải thông tin bằng hội chỉ zero trong hội thoại tiếng Việt, các đại từ zero trở thành phương tiện kết nối các phát ngôn với nhau, làm cho các phát ngôn rời rạc có tính liên kết chặt chẽ, không thể tách rời. Bởi muốn hiểu được ô trống ngữ pháp có ý nghĩa gì, người đọc phải hồi chiếu về tiền ngôn, tìm thông tin cũ đã biết. Song song với quá trình đó, các nhân vật giao tiếp cũng đồng thời tiêu điểm hóa thông tin ở các phương tiện ngôn ngữ còn lại trong kết ngôn. Ngoài lớp nghĩa miêu tả, cách tổ chức ngôn ngữ có hội chỉ zero còn mang lại lớp nghĩa hàm ẩn, đòi hỏi người nói và người nghe phải có cùng khả năng suy luận, có cùng hiểu biết về một sự tình nào đó, cùng sống trong thời gian và không gian để quy chiếu giá trị ngữ nghĩa mà các lược tổ zero và những phương tiện ngôn ngữ khác trong phát ngôn biểu hiện.

Ở bài báo này, chúng tôi chỉ dừng lại ở giá trị thứ nhất, giá trị cung cấp thông tin của hội chỉ zero. Trong bài báo tiếp theo, chúng tôi sẽ tiếp tục làm rõ giá trị thứ hai, quan hệ liên nhân của hội chỉ zero trong hội thoại tiếng Việt./.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Nhân Ái. (2017). *Nghiên cứu phương tiện liên kết hội chỉ trong diễn ngôn trên bình diện dụng học (theo cứ liệu tiếng Anh và tiếng Việt)*. Luận án tiến sĩ ngôn ngữ học. Hà Nội: Học viện Khoa học xã hội.

- Diệp Quang Ban. (2010). *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Phan Mậu Cảnh. (2000). Xung quanh kiểu phát ngôn tình lược trong tiếng Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ*, (3), 42-47.
- Nguyễn Hồng Côn. (2001). Bàn thêm về cấu trúc thông báo của câu tiếng Việt (trên cứ liệu ngôn ngữ đối thoại). *Tạp chí Ngôn ngữ*, (5), 43-53.
- Đỗ Hữu Châu. (2000). *Giáo trình ngữ dụng học*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm.
- Đỗ Hữu Châu. (2001). *Đại cương ngôn ngữ học, tập 2*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Mai Ngọc Chử (chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đỗ Việt Hùng, Bùi Minh Toán. (2013). *Nhập môn ngôn ngữ học*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Đức Dân. (1998). *Ngữ dụng học, tập 1*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- George Yule. (2002). *Dụng học*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thiện Giáp. (2008). *Giáo trình ngôn ngữ học*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thiện Giáp. (2009). *Dụng học Việt ngữ*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Gilliam Brow - Geogre Yule (Trần Thuận dịch). (2006). *Phân tích diễn ngôn*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Halliday, M.A.K. (1998). *Dẫn luận ngữ pháp chức năng (Hoàng Văn Vân dịch)*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Cao Xuân Hạo. (1991). *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*. TP Hồ Chí Minh: Nxb Khoa học xã hội.
- Nguyễn Chí Hòa. (1996). Một vài suy nghĩ xung quanh khái niệm tình lược. *Tạp chí Ngữ học trẻ, Hội ngôn ngữ học Việt Nam*, (96), 52-54.
- Knud Lambrecht. (2015). *Cấu trúc thông tin và hình thức câu (chủ đề, tiêu điểm, và các biểu hiện tinh thần của sở chỉ diễn ngôn)* (Nguyễn Hồng Côn, Hoàng Việt Hằng dịch). Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Đào Thị Luyến. (2023). *Hội chỉ zero trong hội thoại qua một số truyện ngắn và tiểu thuyết tiêu biểu Việt Nam từ 1986 đến 2000*. (Luận án tiến sĩ ngôn ngữ học. Hà Nội: Học viện Khoa học xã hội).
- Đoàn Tiến Lực. (2021). Vai trò của cấu trúc thông tin trong văn bản. *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, (5a,311), 24-30.
- Nguyễn Thùy Nương. (2018). Tiêu điểm và tiểu từ tiêu điểm tiếng Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, (8), 24-29.
- Ma Văn Kháng. (2017). *Đám cưới không có giấy giá thú*. Hà Nội: Nxb Văn học.
- Chu Lai. (2008). *Ăn mày dĩ vãng*. Hà Nội: Nxb Văn học.
- Lê Lưu. (2021). *Thời xa vắng*. Hà Nội: Nxb Văn học.
- Bảo Ninh. (2018). *Nỗi buồn chiến tranh*. TP Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ.
- Nguyễn Huy Thiệp. (2013). *Tình yêu, tội ác và trừng phạt*. TP Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ.
- Nguyễn Ngọc Tư. (2005). *Cánh đồng bất tận*. TP Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ.

INTERPERSONAL FUNCTION OF ZERO ANAPHORA IN VIETNAMESE CONVERSATIONS

DAO THI LUYEN, VU LE LAN HUONG, DANG THANH TAM

Abstract: The article presents some basic concepts related to interpersonal function and "zero" anaphora in Vietnamese conversations. Through statistical and corpus analysis methods, the author provides theoretical background and scientific arguments of linguistic theory on interpersonal function. Simultaneously, the author applies the theory of interpersonal function into the study of "zero" anaphora in Vietnamese conversations when it performs this function.

Keywords: *interpersonal function, zero anaphora, known information, new information, focus on information*

Received: 04/9/2024; Revised: 20/9/2024; Accepted: 25/9/2024